

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng (từ 12/2022 đến nay)

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý đất đai

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HUỲNH VĂN CHƯƠNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 01-01-1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5a. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 63 Trần Thúc Nhẫn, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5b. Nơi ở hiện tại: Số 1008, T1, tòa nhà Times city, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Huỳnh Văn Chương, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 0905790101; Điện thoại di động: 0905790101;

E-mail: hvchuong@moet.gov.vn hoặc huynhvanchuong@hueuni.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng năm - đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
9/1996 – 9/1998	Giảng viên (GV) tập sự tại Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL), Đại học Huế (ĐHH).
9/1998 – 12/2003	- GV giảng dạy về Trắc địa, Đánh giá đất đai ngành Quản lý đất đai, Bộ môn Khoa học đất sau đó là Bộ môn Quản lý đất đai, Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH (9/1998 – 2/2005); - Học Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp tại Trường ĐHNL, ĐHH (1998 – 2000)

	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý giáo vụ Khoa Nông học (9/2001 – 12/2003); - Phó Bí thư chi đoàn giáo viên (9/1998 – 9/2000); - Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường, Bí thư Chi đoàn giáo viên (4/2000 - 10/2003).
12/2003 -10/2007	<ul style="list-style-type: none"> - GV, Nghiên cứu sinh Tiến sĩ và bảo vệ Luận án Tiến sĩ về đề tài Đánh giá đất đai (Quản lý đất đai) tại Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học (ĐH) Tổng hợp Humboldt, Berlin, Cộng hòa liên bang (CHLB) Đức.
11/2007 – 11/2009	<ul style="list-style-type: none"> - GV giảng dạy về Tài nguyên đất đai, Đánh giá đất đai tại Bộ môn Công nghệ Quản lý đất đai và Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp (TNĐMTNN), Trường ĐHNL, ĐHH; - Chủ tịch Công đoàn Khoa TNĐMTNN (3/2008 – 12/2009); - Phó Chủ tịch Công đoàn Trường ĐHNL, ĐHH (9/2008 – 2/2010).
12/2009 – 11/2014	<ul style="list-style-type: none"> - GV, Giảng viên chính (GVC) năm 2012, Phó Giáo sư (PGS) năm 2012, giảng dạy về Tài nguyên đất đai, Đánh giá đất đai, Quản lý tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai; GIS trong Quản lý đất đai; - Trưởng Khoa TNĐMTNN, Trường ĐHNL, ĐHH (1/2010 – 11/2014); - Đảng ủy viên, Ủy viên UBKT Đảng ủy Trường ĐHNL, ĐHH; - Bí thư Chi bộ Khoa TNĐMTNN, Trường ĐHNL, ĐHH (5/2010 – 11/2014).
12/2014 - 12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - PGS, GV cao cấp (GVCC) năm 2016, giảng dạy về Đánh giá đất đai, Quản lý Tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai, GIS trong Quản lý đất đai; - Phó Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH phụ trách Đào tạo, Bảo đảm chất lượng Giáo dục và Công tác sinh viên (12/2014 – 8/2017); - Phó Bí thư Đảng ủy, Trưởng Ban chuyên môn Đảng ủy Trường ĐHNL, ĐHH (5/2015 – 8/2017); - Đảng ủy viên, Ủy viên Ban tuyên giáo Đảng ủy ĐHH (8/2015 – 12/2017); - Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Trường ĐHNL, ĐHH (từ 3/2017).
9/2017 – 8/2020	<ul style="list-style-type: none"> - PGS, GVCC giảng dạy về Đánh giá đất đai, Quản lý Tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai, GIS trong Quản lý đất đai; - Phó Giám đốc ĐHH phụ trách Đào tạo, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Công tác sinh viên; - Bí thư Đảng ủy Trường ĐHNL, ĐHH (1/2020 – 6/2020); - Phó Bí thư Đảng ủy ĐHH (3/2020), Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHH; - Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Trường ĐHNL, ĐHH (2017-2019); - Trưởng Ban biên tập Chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Tạp chí Khoa học ĐHH (từ 3/2018).
8/2020 – 4/2021	<ul style="list-style-type: none"> - PGS, GVCC giảng dạy về Đánh giá đất đai, Quản lý Tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai, GIS trong Quản lý đất đai; - Tỉnh ủy viên tỉnh Thừa Thiên Huế (từ 10/2020); - Bí thư Đảng ủy ĐHH (từ 8/2020); - Phó Giám đốc ĐHH (đến 4/2021); - Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHH nhiệm kỳ 2020-2025; - Trưởng Ban biên tập Chuyên san NN&PTNT, Tạp chí Khoa học ĐHH.
4/2021– 11/2022	<ul style="list-style-type: none"> - PGS, GVCC giảng dạy về Đánh giá đất đai, Quản lý Tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai, GIS trong Quản lý đất đai; - Tỉnh ủy viên tỉnh Thừa Thiên Huế (từ 10/2020); - Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (từ 6/2021); - Bí thư Đảng ủy ĐHH (từ 8/2020); - Chủ tịch Hội đồng ĐHH (4/2021); - Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy ĐHH nhiệm kỳ 2020-2025; - Trưởng Ban biên tập Chuyên san NN&PTNT, Tạp chí Khoa học ĐHH.
12/2022 - đến nay Chức vụ hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> - PGS, GVCC giảng dạy về Đánh giá đất đai, Quản lý Tài nguyên đất tổng hợp ngành Quản lý đất đai, GIS trong Quản lý đất đai;

	- Bí thư Đảng ủy Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) (từ 2/2023); - Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ GDĐT. - Trưởng Ban biên tập Chuyên san NN&PTNT, Tạp chí Khoa học ĐHH.
Chức vụ cao nhất đã kinh qua	Tỉnh ủy viên, Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng ĐHH, Phó Giám Đốc ĐHH.

Cơ quan công tác hiện nay: Cục Quản lý chất lượng (<http://vqa.moet.gov.vn>), Bộ GDĐT.

Địa chỉ cơ quan: số 35 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.38695144; Fax: 0243.8694085, Email: hvchuong@moet.gov.vn.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa TNĐMTNN, Trường ĐHNL, ĐHH (từ 12/2022 đến nay, trước đó là GV, GVC, GVCC tại đơn vị này từ năm 1996).

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo gồm: ĐH, Thạc sĩ (ThS), Tiến sĩ (TS), Cao cấp lý luận chính trị (LLCT) và các đào tạo khác

Nơi đào tạo	Ngành/Chuyên ngành	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Trình độ và hình thức đào tạo	Được cấp bằng, nơi cấp bằng
<u>Đại học</u> Trường ĐHNL, ĐHH	Kỹ sư Nông học/Trồng trọt	10/1991 – 3/1996	ĐH, chính quy, tập trung	Kỹ sư, cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996, Trường ĐHNL, ĐHH, Việt Nam.
<u>Thạc sĩ</u> Trường ĐHNL, ĐHH	Khoa học Nông nghiệp/Trồng trọt	10/1997 – 3/2000	Cao học, chính quy, tập trung	Bằng ThS, cấp ngày 21 tháng 04 năm 2000, Bộ GDĐT, Việt Nam.
<u>Tiến sĩ</u> Trường ĐH Tổng hợp Humboldt – Berlin, CHLB Đức	Nông nghiệp/Quản lý đất đai	12/2003 – 10/2007	Nghiên cứu sinh TS, chính quy, tập trung	Bằng TS, cấp ngày 19 tháng 11 năm 2007, Trường ĐH Humboldt, CHLB Đức.
<u>Cao cấp LLCT</u> Học viện chính trị khu vực III – Đà Nẵng	Cao cấp LLCT	12/2015- 6/2017	Không tập trung	Bằng Cao cấp LLCT
Trường ĐH Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Trường ĐH Hà Nội)	Tiếng Anh	4/2002 – 12/2002	Bồi dưỡng tiếng Anh tập trung	Chứng nhận
Trường Quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế	Bồi dưỡng quân sự đối tượng 3	2008	Ngắn hạn tập trung	Chứng nhận
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD) – ĐH Quốc gia Hà Nội	Lớp kiểm định CLGD	2015	Ngắn hạn tập trung	Chứng chỉ

Trường Quân sự Quân khu IV, Nam Đàn, Nghệ An	Lớp bồi dưỡng Quốc phòng – An ninh đối tượng 2	5/2018	Ngắn hạn tập trung	Chứng nhận
Trường ĐH Khoa học, ĐHH	Lớp nghiệp vụ báo chí	4/2014 – 5/2014	Ngắn hạn	Chứng nhận
Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, tỉnh Thừa Thiên Huế	Nghiệp vụ công tác Giám sát của Đảng	5/2011	Ngắn hạn	Chứng nhận
Ban tuyên giáo Tỉnh ủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Nghiệp vụ tuyên giáo	11/2015	Ngắn hạn	Chứng nhận
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội	Lớp bồi dưỡng Bí thư cấp huyện và tương đương	12/2020	Ngắn hạn, tập trung	Chứng nhận
Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội	Lớp Quản lý Nhà nước về báo chí	4-5/2022	Ngắn hạn	Chứng nhận
Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội	Lớp bồi dưỡng cấp Vụ, Cục và tương đương	3-4/2023	Ngắn hạn	Chứng nhận

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 02 năm 1996, ngành: Kỹ sư Nông học, chuyên ngành: Trồng trọt.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHNL, ĐHH, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 04 năm 2000, ngành: Khoa học Nông nghiệp, chuyên ngành: Trồng trọt

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Bộ GDĐT, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 11 năm 2007, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Quản lý đất đai

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Humboldt – Berlin, CHLB Đức

10. Đã được công nhận chức danh PGS theo Quyết định số 127/QĐ-HĐCDGSNN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước ngành Khoa học Nông nghiệp (Quản lý đất đai) và được bổ nhiệm chức danh PGS theo Quyết định số 479/QĐ-ĐHH ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Giám đốc ĐHH, ngành: Khoa học Nông nghiệp (Quản lý đất đai)

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở: Khoa học Nông nghiệp, ĐHH.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại Hội đồng Giáo sư liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Trong suốt hơn 26 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH), triển khai các hoạt động hợp tác, chuyển giao trong và ngoài nước, xuất bản, làm công tác quản lý giáo dục, bản thân tôi đã xác định rõ vấn đề nghiên cứu phù hợp và hỗ trợ tốt trước hết cho công tác giảng dạy Đại học (ĐH) và Sau đại học (SĐH), chuyển giao

và phục vụ sản xuất thuộc ngành Quản lý đất đai và Khoa học đất. Các NCKH trong hơn 26 năm tập trung vào 03 hướng chính sau đây:

(1) Hướng nghiên cứu thứ nhất: Đánh giá đất đai đa tiêu chí:

- Đánh giá sự thích hợp đất cho các cây trồng vùng miền Trung và Tây nguyên;
- Tiếp cận đa tiêu chí trong đánh giá đất đai gồm kinh tế, xã hội và môi trường;
- Đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng đất theo mục đích sử dụng;
- Chất lượng đất và các điều kiện tự nhiên phục vụ đánh giá đất đai.

(2) Hướng nghiên cứu thứ hai: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System – GIS) và Viễn thám trong quản lý đất đai và tài nguyên môi trường:

- Ứng dụng GIS và viễn thám trong xây dựng cơ sở dữ liệu không gian và thuộc tính trong quản lý đất đai, đánh giá đất đai và tài nguyên môi trường;
- Ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu biến động và chuyển đổi đất đai;
- Ứng dụng GIS, viễn thám và các mô phỏng trong nghiên cứu tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu.

(3) Hướng nghiên cứu thứ ba: Giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên đất đai và tài nguyên môi trường:

- Nghiên cứu về tình hình quản lý và sử dụng đất đai từ cấp xã đến cấp tỉnh, vùng miền Trung, Tây nguyên;
- Đánh giá thực trạng, tìm kiếm các giải pháp quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai và tài nguyên môi trường hợp lý và hiệu quả;
- Nghiên cứu thực trạng và biến động đất đai đến việc sử dụng đất, thay đổi chính sách đất đai và hiệu quả sử dụng đất;
- Tác động của quá trình đô thị hóa, chuyển đổi đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, đền bù, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất đến quản lý sử dụng đất, đến kinh tế, xã hội và môi trường, sinh kế người dân;
- Tác động của chính sách đất đai đến việc quản lý và sử dụng đất vùng miền Trung, Tây nguyên.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- **Đã hướng dẫn Nghiên cứu sinh (số lượng):** 06 Nghiên cứu sinh (NCS) đã bảo vệ thành công luận án TS, trong đó 03 NCS là người hướng dẫn chính và 03 NCS là người hướng dẫn phụ. Đang hướng dẫn chính 02 NCS, trong đó 1 NCS đã hoàn thành bảo vệ luận án cấp cơ sở, 1 NCS đang học và nghiên cứu năm thứ 2.

- **Đã hướng dẫn (số lượng) Thạc sĩ, Đại học:** trên 60 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn ThS, hàng trăm khóa luận sinh viên ĐH, nhiều chuyên đề cho NCS Tiến sĩ.

- **Đã hoàn thành đề tài, chương trình, nhiệm vụ NCKH từ cấp cơ sở trở lên (số lượng) 15/15, trong đó:**

(1) Đã chủ trì và hoàn thành NCKH từ cấp cơ sở trở lên số lượng 08/08 đề tài:

- + Cấp Bộ và được tính tương đương theo quy định: 03 đề tài;
- + Cấp tỉnh: 01 đề tài (tỉnh Quảng Ngãi);
- + Cấp ĐHH (ĐH Vùng): 01 đề tài;
- + Cấp cơ sở Trường ĐHNL, ĐHH: 02 đề tài;
- + Đề tài nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHH: 01 đề tài.

(2) *Đã chủ trì và hoàn thành nhiệm vụ KHCN về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (884): 01 nhiệm vụ cấp Bộ (Bộ KHCN).*

(3) *Đã làm thư ký và tham gia là thành viên: 06 đề tài cấp Bộ.*

- **Các đề tài, chương trình khác đã chủ trì và hoàn thành:** 06 chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- **Đã công bố (số lượng):** 137 bài báo khoa học, trong đó có 23 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế và kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế, trong số 23 bài báo trên có 13 bài được đăng trên tạp chí quốc tế và kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus, trong đó có 07 bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính.

- **Số lượng sách, chương sách đã xuất bản:** 07 sách và chương sách, trong đó 04 sách thuộc nhà xuất bản trong nước có uy tín (01 giáo trình và 03 sách); 01 sách và 02 chương sách xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Hình thức khen thưởng	Năm
01	Bằng khen của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2003
02	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT	2013
03	Bằng khen của Hội Thể thao ĐH và chuyên nghiệp Việt Nam (VN)	2016
04	Bằng khen của Bộ GDĐT	2017
05	Bằng khen của BCH Công đoàn giáo dục VN	2018.
06	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Nhà giáo tiêu biểu	2019
07	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (4 lần)	2012, 2015, 2019, 2022
08	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (14 lần)	2003, 2009-2022
09	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT	3/2021
10	Nhà giáo Ưu tú ở lần xét và công nhận lần thứ 15	2021
11	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ GDĐT	2021
12	Kỷ niệm chương của Hiệp hội các Trường ĐH và Cao đẳng VN	2022
13	Nhiều giấy khen cấp Trường, cấp ĐHH, các đơn vị khác	2001-2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Phẩm chất chính trị: Đã hoàn thành khóa học về Cao cấp LLCT, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh đối tượng 3, đối tượng 2 và các lớp bồi dưỡng về chính trị khác. Bản thân tôi luôn có tư tưởng, lập trường chính trị vững vàng, viết, nói và làm đúng quan điểm, đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tác phong nhà giáo, nhà nghiên cứu, nhà quản lý giáo dục. Luôn tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đúng quan điểm, đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tự giác học tập để không ngừng nâng cao kiến thức về lý luận chính trị và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, đã tham gia nhiều lớp tập huấn công tác tuyên giáo do Ban Tuyên giáo tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức. Là tỉnh ủy viên tỉnh Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2020-2025, Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2021-2026 và luôn tiên phong và làm gương trong mọi hoạt động của công dân, nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục.

b. Đạo đức, lối sống: Luôn có ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, không tham nhũng, tiêu cực, sách nhiễu mưu lợi cá nhân và kiên quyết chống tham nhũng tiêu cực; không vi phạm những điều đảng viên không được làm theo Quy định số 19-QĐ/TW ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương IV của Đảng. Giữ gìn đoàn kết nội bộ, thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng. Xây dựng khối đoàn kết, phối hợp hiệu quả trong công tác và cuộc sống từ khi còn công tác tại Khoa TNĐMTNN, Công đoàn, Ban Giám hiệu trường, Đảng ủy, Hội đồng trường Trường ĐHNLT, ĐHH; Đảng ủy, Hội đồng Đại học, Ban Giám đốc ĐHH, giữa các Ban Đào tạo, Khảo thí và Bảo đảm CLGD và các Ban liên quan của ĐHH; Đảng ủy, tập thể lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, sinh viên và đồng nghiệp, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, được nhân dân, người học và đồng nghiệp tin nhiệm. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú theo Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị. Tác phong gương mẫu, thực hiện đúng tác phong một viên chức, cán bộ quản lý và đảng viên. Chuẩn mực của nhà giáo, nhà nghiên cứu, người phục vụ cộng đồng. Nghiêm túc trong công việc, luôn chấp hành tốt nội quy, quy định của cấp khoa, trường, của ĐHH, của Bộ GDĐT nơi đang công tác. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, thẳng thắn trung thực trong phê và tự phê bình, có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp.

c. Tài năng sư phạm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công lao đối với sự nghiệp giáo dục:

Trong quá trình công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý hơn 26 năm qua, bản thân tôi và gia đình rất vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú tại lần thứ xét thứ 15 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Quyết định số 445/QĐ-CTN ngày 01/04/2021) ở tuổi 48. Trước đó, năm 2012 tôi được công nhận đạt chuẩn PGS ở tuổi

39. Bản thân tôi luôn tự hào đã học và làm việc tại Trường ĐHNL (www.huaf.edu.vn) và ĐHH (www.hueuni.edu.vn) nơi có bề dày truyền thống trong đào tạo và nghiên cứu hơn 60 năm qua tại VN. Và may mắn hơn, tôi có 4 năm (2003 – 2007) học tập chuyên sâu và làm NCS tại Trường ĐH Humboldt – Berlin, CHLB Đức, ngôi trường được xem là khởi đầu cho ĐH nghiên cứu ứng dụng, hiện nay được xếp hạng cao của Đức và thế giới (www.hu-berlin.de)

Trong hơn 26 năm công tác giảng dạy và NCKH chuyên sâu, khởi đầu từ khoa học đất thuộc về lĩnh vực nông nghiệp và sau đó là tiên phong cùng đồng nghiệp tiếp cận, học hỏi để phát triển ngành học mới Quản lý đất đai (1996) tại Trường ĐHNL, ĐHH và là ngành học mới được cho phép mở sớm nhất tại miền Trung và Tây nguyên từ những năm 1996-2005 để phục vụ công tác Quản lý nhà nước về đất đai lúc đó đang rất cần và thiếu nguồn nhân lực trình độ ĐH trở lên cho các tỉnh miền Trung và Tây nguyên. Bản thân tôi đã sớm định hướng và tập trung vào nghiên cứu và giảng dạy các môn gồm Tài nguyên đất đai, Đánh giá đất đai đa tiêu chí, Quản lý tài nguyên đất tổng hợp, Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý đất đai và các chủ đề khác liên quan đến ngành Quản lý đất đai, ngành Khoa học đất tại Trường ĐHNL, ĐHH. Với hơn 21/26 năm công tác trực tiếp đứng lớp giảng dạy ĐH và 15 năm giảng dạy SDH, tôi vinh dự được nhận nhiều khen thưởng bao gồm 14 năm liền là GV dạy giỏi và chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 4 lần chiến sĩ thi đua cấp Bộ, nhiều Bằng khen cấp Bộ. Tôi được giao nhiệm vụ giảng dạy ĐH từ năm 1998, sau hết tập sự 2 năm (1996-1998), tham gia giảng dạy SDH từ năm 2008 đến nay, hướng dẫn và chấm nhiều báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn luận văn ThS, giảng dạy chuyên đề cho NCS và hướng dẫn luận án TS; chủ trì và tham gia các hội đồng chấm luận văn ThS, hội đồng bảo vệ luận án TS. Bản thân đã kinh qua các cương vị giảng dạy từ GV, GVC, PGS, GVCC và các vị trí quản lý trong trường ĐH từ Trợ lý giáo vụ Khoa, Chủ tịch Công đoàn Khoa, Phó Chủ tịch Công đoàn Trường, Trưởng Khoa chuyên môn Khoa TNĐMTNN, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH phụ trách đào tạo, khảo thí và bảo đảm chất lượng, công tác sinh viên, kiêm Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Trường ĐHNL, ĐHH, Chủ tịch Hội Thể dục thể thao Trường, Đảng ủy viên rồi Ủy viên Thường vụ Đảng ủy ĐHH, Phó Giám đốc ĐHH phụ trách đào tạo, khảo thí và bảo đảm chất lượng, công tác sinh viên, tiếp đến là Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng ĐH của ĐHH và hiện nay là Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT (<http://vqa.moet.gov.vn>). Trong hơn 26 năm qua, tôi cũng đã và đang tham gia nhiều Hội đồng khoa học và Đào tạo từ cấp Khoa đến cấp Trường ĐH, cấp ĐH, chủ trì cũng như chỉ đạo, tham gia các hội đồng chuyên môn rà soát, xây dựng và phát triển nhiều ngành đào tạo ĐH và SDH của Trường ĐHNL và của ĐHH, phản biện các bài báo khoa học, tham gia hội Khoa học đất, Phó Chủ tịch chi hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2018 - 2023, đã có thể kiểm định viên

kiểm định CLGD lần thứ 2 của Bộ GDĐT cấp và đã làm trưởng đoàn và tham gia 12 đoàn kiểm định CLGD các trường ĐH Việt Nam và 08 đoàn kiểm định nội bộ 8 trường ĐH của ĐHH, đã là thành viên 2 Hội đồng Kiểm định của Trung tâm Kiểm định CLGD - ĐH Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Kiểm định CLGD - Trường ĐH Vinh từ năm 2018-2022. Tham gia thẩm định nhiều giáo trình, chương trình đào tạo của các trường ĐH thành viên thuộc ĐHH. Nhờ được đào tạo TS ở Trường ĐH Humboldt – Berlin, CHLB Đức về ngành nông nghiệp, chuyên ngành quản lý đất đai, chuyên sâu về đánh giá đất đai đa tiêu chí, trong đó từ năm 2003 đã bắt đầu tiếp cận ứng dụng công nghệ GIS và phân tích đa tiêu chí trong đánh giá đất, trong quản lý đất đai, đã được công nhận PGS vào năm 2012 thuộc ngành Nông nghiệp, chuyên ngành Quản lý đất đai; đã có quyết định công nhận GVCC vào tháng 10 năm 2016. Bản thân có lợi thế và kinh nghiệm về công tác giảng dạy ĐH và SDH, xây dựng và phát triển, quản lý chương trình đào tạo ĐH, ThS, TS, kiểm định và bảo đảm CLGD ĐH, xây dựng và thực hiện các đề tài dự án NCKH trong nước và quốc tế, tôi cũng đã chủ trì và tham gia 09 dự án liên kết quốc tế và 15 đề tài, chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ từ cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp ĐHH, nhóm nghiên cứu mạnh và các đề tài cấp cơ sở ngay từ khi mới ở lại trường làm công tác giảng dạy ĐH và đã xuất bản tổng cộng trên 135 bài báo trong nước và quốc tế. Tôi đã hướng dẫn bảo vệ thành công 6 NCS TS, đang hướng dẫn chính 2 NCS, tất cả thuộc về ngành Quản lý đất đai; đã hướng dẫn thành công trên 60 học viên cao học từ năm 2008 đến nay. Chủ trì biên soạn 07 giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo và tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập đối với ngành Quản lý đất đai và Khoa học đất của Trường ĐHNL, ĐHH và được dùng tham khảo cho các trường thành viên của ĐHH, các trường cùng khối ngành về Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường trong nước và quốc tế; chủ động cập nhật thường xuyên chương trình, nội dung giảng dạy của Bộ môn và Khoa chuyên môn và ngành, môn giảng dạy. Tôi luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao trên tinh thần chủ động và bám sát các yêu cầu đầu ra cụ thể cho từng nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý đào tạo được giao và đã ít nhiều cùng đóng góp mang lại học hiệu tốt hơn cho ĐHH, Trường ĐHNL, Khoa chuyên môn trực tiếp làm việc là Khoa TNĐMTNN, Trường ĐHNL, ĐHH từ ngày làm công tác giảng dạy đến nay.

Bên cạnh đó, bản thân tôi luôn cố gắng để nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, NCKH của chuyên ngành Quản lý đất đai, Khoa học đất, Nông học, và sử dụng tốt tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng thông dụng như Word, Excel, Powerpoint, các phần mềm về hệ thống thông tin đất đai như GIS, Mapinfo, ArcGIS, ArcView... và sử dụng được phần mềm phân tích thống kê như SPSS, Statistic,... phục vụ hoạt động chuyên môn.

Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về công tác giáo dục, đào tạo và vận dụng có hiệu quả trong phát triển chuyên ngành Quản lý đất đai, Khoa học đất.

Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong quá trình công tác và may mắn hơn tôi đã được sự rèn luyện và giúp đỡ của các thế hệ lãnh đạo, thầy cô, bạn bè đồng nghiệp, từ đó giúp tôi từng bước trưởng thành và phát triển được như ngày hôm nay về cả giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và cả công tác quản lý trong GDĐT.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: trên 26 năm (tính cả 4 năm học tập NCS nước ngoài và 2 năm tập sự).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (Hồ sơ Giáo sư chỉ cần kê khai 3 năm cuối)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối (2020-2021; 2021-2022; 2022-2023)								
1	2020-2021	1		4	0	0	135	135/323,64/40,5
2	2021-2022	2		3	0	0	135	135/356,52/27
3	2022-2023	1		5	0	0	135	135/285,92/27

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12-/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học TS ; Tại nước: CHLB Đức; Từ năm: 2003 đến năm 2007, học và viết luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh (<https://www.amazon.com/Multi-criteria-Suitability-Evaluation-Selected-Central/dp/3832268464>).

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: CHLB Đức năm 2007.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tham gia giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh cho chương trình đào tạo Thạc sĩ liên kết giữa ĐHH và ĐH Okayama, Nhật Bản (năm 2011 - 2012, và 2012 - 2013)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ĐHH, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): C tiếng Anh, chứng nhận khóa học tiếng Anh tập trung tại trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Trường ĐH Hà Nội), A tiếng Nhật...

4. Hướng dẫn 06 NCS đã được cấp bằng TS và đang hướng dẫn 2 NCS

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hải	X		X		6/2013-12/2016	Trường ĐHNH, ĐHH: Số 1029/QĐ – ĐHH ngày 21/06/2013 của Giám đốc ĐHH	Quyết định cấp bằng số 804/QĐ-ĐHNH-ĐTSDH, ngày 28/07/2017
2	Nguyễn Từ Đức	X		X		6/2015-8/2018	Trường ĐHNH, ĐHH: Số 509/QĐ – ĐHNH – ĐTSDH ngày 03/06/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHNH, ĐHH.	Quyết định cấp bằng số 96/QĐ-ĐHNH, ngày 01/02/2019
3	Trần Thị Phương	X		X		6/2016-9/2019	Trường ĐHNH, ĐHH: Số 515/QĐ – ĐHNH – ĐTSDH ngày 09/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNH, ĐHH.	Quyết định cấp bằng số 40/QĐ-ĐHNH, ngày 22/01/2020
4	Đào Đức Hương	X			X	11/2015 – 1/2019	Trường ĐHNH, ĐHH. Số 957/QĐ-ĐHNH-ĐTSDH, ngày 16/11/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHNH, ĐHH.	Quyết định cấp bằng số 43/QĐ-ĐHNH ngày 17/01/2022

5	Trần Trọng Tấn	X			X	6/2015 – 6/2019	Trường ĐHNL, ĐHH, Số 516/QĐ-ĐHNL – ĐTSĐH, ngày 9/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH.	Quyết định cấp bằng số 336/QĐ-ĐHNL ngày 17/05/2022
6	Phạm Quốc Trung	X			X	6/2015 - 6/2019	Trường ĐHNL, ĐHH, Số 514/QĐ-ĐHNL-ĐTSĐH, ngày 9/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH.	Quyết định cấp bằng số 528/QĐ-ĐHNL ngày 27/07/2022
Đang hướng dẫn								
7	Nguyễn Thuý Cường	X		X		10/2017 – 10/2022	Trường ĐHNL, ĐHH, Số 989/QĐ-ĐHNL, ngày 2/10/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH.	Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở
8	Hồ Nhật Linh	X		X		9/12/2021 đến nay	Trường ĐHNL, ĐHH số 1935/QĐ-ĐHH, ngày 9/12/2021 của Giám đốc ĐHH.	Đang thực hiện năm thứ 2

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn 07 sách và chương sách phục vụ đào tạo từ trình độ ĐH trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Trước khi công nhận PGS (đến năm 2012)							
1	Multi-criteria Land Suitability Evaluation for Selected Fruit Crops in Hilly Region of Central Vietnam: With case studies in Thua Thien Hue province (ISBN:978-3832268466). https://www.amazon.com/Multi-criteria-Suitability-Evaluation-Selected-Central/dp/3832268464	TK	Shake Verlag, Aachen, Germany, 2008	1	1	Trích dẫn:5 (Google Scholar). Tất cả các chương sách.	Số 104/ĐHNL, 15/05/2021
2	Đánh giá đất (209/2011/CXB/1234-08/NN)	GT	Nông nghiệp, 2011	1	1	Trích dẫn: 8 (Google Scholar).	Số 103/ĐHNL, 17/05/2021

						Tất cả các chương sách.	
3	<p>Tên sách: Linking Research to Practice: Strengthening ICT for Development Research Capacity in Asia (ISBN: 978-981-4380-01-0). (https://idl-bnc-idrc.dspacedirect.org/bitstream/handle/10625/49232/IDL-49232.pdf)</p> <p>Chương sách viết: Intergrating digital and human data sources for environmental planning and climate change adaptation: From research to practice in Central Vietnam.</p>	CK	ISEAS Singapore, 2012	3	Tham gia	Trang: 132-146 Trích dẫn: 8 (Google Scholar). Tham gia cả chương sách	Số 67/GXN-ĐHNL, 09/04/2021
II. Sau khi công nhận PGS (năm 2012 đến nay)							
4	<p>Tên sách: Redefining Diversity and Dynamics of Natural Resources Management in Asia. (ISBN: 978-0-12-805452-9)</p> <p>Chương sách viết: Simulation of Soil Erosion Risk in the Upstream Area of Bo River Watershed (https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/B978012805452900060)</p>	CK	Elsevier, 2017	3	Tham gia	Volume 3 trang: 87-99 Trích dẫn: 24 (Google Scholar). Tham gia cả chương sách	Số 68/GXN-ĐHNL, 09/04/2021
5	Cơ chế chia sẻ nguồn nước cung cấp địa phương: Giải pháp ứng phó với hạn hán trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Quảng Nam (ISBN: 978-604-60-2535-1).	CK	Nông nghiệp, 2017	7	2	Tất cả các chương sách	Số 102/ĐHNL, 17/05/2021
6	Nâng cao hiệu quả công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại một số tỉnh miền Trung và Tây nguyên: Thực trạng và giải pháp (ISBN: 978-604-974-931-5)	CK	Đại học Huế, 2021	5	2	Tất cả các chương sách	Số 101/ĐHNL, 17/05/2021
7	Nghiên cứu tri thức và hệ thống canh tác bản địa thích ứng với biến đổi khí hậu của các dân tộc thiểu số khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam (ISBN: 978-604-60-3332-5).	CK	Nông nghiệp, 2021	11	1	Tất cả các chương sách	Số 240/ĐHNL, 14/05/2021

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS: 4 cuốn

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Trước khi PGS (đến năm 2012): chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp Bộ; tham gia gia 4 đề tài cấp Bộ.					
Chủ nhiệm					
1	ĐT cấp cơ sở: Nâng cao hiệu quả mức bón phân phối hợp cho cây mía ở vùng đất cát nội đồng, huyện Điện, tỉnh Thừa Thiên Huế.	CN	Trường ĐHNL, ĐHH. Cấp cơ sở (Số 482-HĐ/ĐHNL, 23/07/1998)	1/1998 – 12/1998	2/1999 (Số 232/QĐ – TCHC, 5/12/1998) Khá
2	ĐT cấp cơ sở: Nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón phối hợp cho cây mía trên vùng đất các nội đồng huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.	CN	Trường ĐHNL, ĐHH Cấp cơ sở	1/1999- 12/1999	2/2000 (Số 136/KH-NH, 04/12/2000) Khá
3	ĐT cấp Bộ: Xây dựng thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu GIS phục vụ đánh giá sự thích hợp đất cho cây trồng, qui hoạch sử dụng đất và quản lý đất đai tại cấp xã ở miền Trung Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu điển ở tỉnh Thừa Thiên Huế.	CN	Mã số: B2008-DHH-02-23. Cấp Bộ Số 3717/BGDĐT-KHCNMT ngày 29/4/2008	01/2008 - 12/2009	7/2010 (Số 54/QĐ-ĐHH-KHCN, 19/01/2011) Tốt
Thư ký, thành viên tham gia					
4	ĐT cấp Bộ: Đánh giá sự thay đổi đất đai và cây trồng nông nghiệp sau trận đại Hồng Thủy 1999 ở TT Huế (PGS.TS Trần Văn Minh Chủ trì)	Thành viên	Mã số: B2000-08-27-TĐ Cấp Bộ	01/2000 - 12/2001	02/2002 (Số 692/QĐ-BGD&ĐT-KHCN, 08/02/2002) Tốt
5	ĐT cấp Bộ: Đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất vùng đồi phía Tây tỉnh Thừa Thiên Huế (TS Hồ Kiệt chủ trì)	TK	Mã số: B2001 – 08 – 02 Cấp Bộ	01/2001 - 12/2002	4/2003 (Số 025/QĐ-ĐHH-KHCN, 31/03/2008) Tốt
6	ĐT cấp Bộ: Nghiên cứu xói mòn đất vùng cánh quan đồi núi lưu vực sông Hương bằng công nghệ	Thành viên	Mã số: B2009-DHH 02 -34 Cấp Bộ	01/2009- 12/2010	2012

	GIS và viễn thám (Thạc sĩ Phạm Hữu Ty chủ trì)		Số 3952/BGDĐT- KHCNMT ngày 14/5/2009		(Số 1986/QĐ- ĐHH, 25/10/2013) Khá
7	ĐT cấp Bộ: Đánh giá hiệu quả của việc phát triển cao su tiêu điền và ứng dụng công nghệ GIS để quản lý cao su trang trại tại tỉnh Thừa Thiên Huế (PGS.TS Nguyễn Minh Hiếu chủ trì)	Thành viên	Mã số: B2010- DHH02-56 Cấp Bộ. Số 2311/BGDĐT- KHCNMT, ngày 29/4/2010	01/2010 - 12/2011	2012 (Số 1928/QĐ- ĐHH, 24/10/2013) Khá
II. Sau khi công nhận PGS (từ sau 2012 đến nay): đã chủ trì 02 đề tài cấp Bộ và được tính tương đương cấp Bộ; 01 đề tài cấp Tỉnh; 01 đề tài cấp ĐHH và 1 nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHH; 01 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo của Bộ KHCN; đã tham gia 02 đề tài cấp Bộ.					
Chủ nhiệm					
8	ĐT cấp Đại học Huế (ĐH Vùng): Đánh giá sự thích hợp đất đa tiêu chí và lựa chọn loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp phù hợp tại các tiểu vùng sinh thái của huyện Hương Trà, tỉnh TT Huế	CN	Mã số: DHH2012 – 02 – 14 Cấp Đại học Huế. Số 1358/QĐ/ ĐHH-KHCN ngày 18/7/2011	1/2012- 12/2013	8/2014 (Số 417/QĐ- ĐHH, 08/04/2015) Tốt
9	ĐT được tin tương đương cấp Bộ theo quy định của ĐH Vùng: Xây dựng cơ chế chia sẻ nguồn nước tưới cho cây lúa trong điều kiện hạn hán trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. (Cấp Đại học Huế được tính tương đương cấp Bộ theo Thông tư 08/TT-BGDĐT/2014 về ĐH Vùng)	CN	Mã số: DHH2015-02- 66. Tương đương cấp Bộ. Số 348/QĐ- ĐHH ngày 30/3/2015	2015-2016	24/11/2016 (Số 270/QĐ- ĐHH, 16/03/2018) Tốt
10	ĐT cấp Bộ: Nghiên cứu trí thức và hệ thống canh tác bản địa thích ứng với biến đổi khí hậu của các dân tộc thiểu số khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam.	CN	Mã số: B2019- DHH -02 Cấp Bộ (Số 5652/QĐ- BGDĐT, 28/12/2018)	2019-2020	4/2021 (Số 547/QĐ-ĐHH, 07/05/2021) Xuất sắc
11	ĐT cấp Tỉnh (Quảng Ngãi): Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (2020 - 2022)	CN	Mã số: 01/2020/HĐ- ĐTKHCN. Cấp Tỉnh QĐ số 574/QĐ- UBND, 15/4/2020	4/2020- 4/2022	7/2022 (Số 235/QĐ- SKHCN, 09/12/2022) Đạt
12	ĐT nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học Huế (ĐH Vùng): Tên nhóm NCM: Tài nguyên và môi trường đất.	CN	Mã số: NCM.2019.06. Cấp Đại học Huế	1/1/2020- 31/12/2022	6/2023 (Số 652/QĐ- ĐHH, 17/05/2023 và Biên bản nghiệm

			1558/QĐ-ĐHH ngày 25/11/2019.		thu ngày 7/6/2023) Xuất sắc
13	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Khởi nghiệp và ĐMST theo Đề án 884 của Bộ KHCN: Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội.	CN	Nhiệm vụ do Đề án 844 của chính phủ (Bộ KHCN) cấp kinh phí. Mã số: 884.18.NV2.Đ HH.18-19 QĐ số 229/QĐ-BKHCN, 15/8/2018	3/2019- 3/2020	5/2020 (Số 1229/QĐ- BKHCN ngày 12/5/2020). Đạt
Thư ký, Thành viên tham gia					
14	ĐT cấp Bộ: Nghiên cứu cải thiện các mô hình nông lâm kết hợp trên tuyến đường Hồ Chí Minh qua địa phận Thừa Thiên Huế (PGS. Nguyễn Văn Vũ, Trường ĐHSP, ĐHH, chủ trì).	Thành viên	Mã số: B2012- ĐHH-103 Cấp Bộ. Số 441/QĐ- BGDDĐT ngày 6/2/2012	2012-2013	2014 (Số 1776/QĐ- ĐHH, 24/09/2014) Tốt
15	ĐT cấp Bộ: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phục vụ xây dựng mô hình nông thôn mới tại một số địa phương vùng gò đồi Bắc Trung Bộ (PGS. Trần Sáng Tạo, chủ trì).	Thành viên	Mã số: CTB- 2012-03-03 Cấp Bộ Số 2878/QĐ- BGDDĐT ngày 14/7/2012	2012-2014	2015 (Số 532/QĐ- ĐHH, 12/5/2015) Khá
III. Đề tài, chương trình, dự án hợp tác quốc tế: 6					
1	ĐT hợp tác Quốc tế: Phối hợp công nghệ GIS và Viễn thám trong việc lập qui hoạch môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng A Lưới, TT Huế	Thành viên	Dự án IDRC và ĐH Nanyang (Singapore) tài trợ số: SIRCA/08/01/0 07 và Văn kiện dự án ký ngày 20/01/2009	2009-2010	Hoàn thành, 12/2010
2	DA hợp tác Quốc tế: “ACCCU - Supporting the integration in Agricultural Curricula of Climate Change concerns at Universities of Agriculture, Hanoi University of Agriculture, Hong Duc University and Hue University of Agriculture and Forestry – Hỗ trợ lồng ghép về Biến đổi khí hậu trong chương trình đào tạo của các trường đại học nông nghiệp Việt Nam: Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Hồng Đức Thanh Hóa và Đại học Nông Lâm Huế”	Thành viên	Dự án NICHE, Hà Lan tài trợ. Mã dự án: NicheVNM105	2011-2015	Hoàn thành, 2015
3	DA hợp tác Quốc tế DAAD: Networking in Land use/Land	CN	Vietnam	2014 – 2017	Hoàn thành , 2017

	Cover Change Analysis for Master program in Land Management. Xây dựng mạng lưới nâng cao năng lực các môn học cho chương trình đào Cao học ngành Quản lý đất đai tại trường Đại học Nông Lâm Huế. DAAD (Đức) tài trợ		DAAD project ID: 57061865		
4	DA hợp tác Quốc tế: DA VLIR – IUC: hợp phần P1, giai đoạn 2 (2019 – 2022)	Thành viên (trưởng hợp phần P1 trong 4 P)	VN2019IUC02 6A103 Quốc tế: Vương quốc Bỉ tài trợ	2019-2022	Hoàn thành, 2023
5	DA hợp tác Quốc tế: Khởi động Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đại học Huế - ECOBOOT (AUF)	CN	AUF (Cộng đồng các Đại học Pháp ngữ tài trợ): DRAP -5703	2018-2020	Hoàn thành, 2020 Ban hành Chương trình đào tạo khởi nghiệp cấp ĐHH năm 2021
6	DA hợp tác quốc tế: “Phương pháp tiếp cận dựa vào hệ sinh thái để quản lý rủi ro lũ lụt nhằm phát triển đô thị theo hướng thích ứng và bền vững ở miền Trung Việt Nam” (FloodAdaptVN).	CN	CHLB Đức và LHQ tài trợ. Quyết định số 2012/QĐ – BGDĐT, 22/7/2022 và QĐ 1799/QĐ-ĐHH, 24/11/2021	2020-2024	Đang thực hiện

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Thông tin cá nhân nhà khoa học trên các hệ thống quốc tế (Huynh Van Chuong, Van Chuong, Huynh, H.V., Chuong, Chuong, H.V, Huynh, V.C):

- (1) ORCID: <https://orcid.org/0000-0003-1383-6491>
- (2) Scopus id: <https://www.scopus.com/authid/detail.uri?authorId=56668777400>
H-Index: 5; trích dẫn: 90
- (3) ResearchGate: https://www.researchgate.net/profile/Chuong_Huynh_Van;
H-index: 8; trích dẫn 262
- (4) Google Scholar:
<https://scholar.google.com.vn/citations?user=KFsvqhoAAAAJ&hl=vi>;
H-index: 11; trích dẫn 344

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Trước khi công nhận PGS (trước năm 2012) xếp theo thứ tự năm tăng dần								
1	Nghiên cứu các mức bón phân phối hợp cho cây mía ở vùng đất cát nội đồng, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tập san kết quả nghiên cứu về khoa học Nông Lâm nghiệp giai đoạn 1998-2002 của trường ĐHNL, ĐHH. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội. ISBN: 978-604 -60-2535-4			Tập 1, số 1, trang 35-41	2002
2	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02		Tạp chí khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388			Số 21, trang 5-13	2004
3	Multicriteria land suitability evaluation for crops using GIS at community level in central Vietnam: With case study in Thuy Bang- Thua Thien Hue province.	01	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo quốc tế - Proceedings of International Symposium on Geoinformatics for Spatial Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences ISBN: 978-4-901668-37-8		20 (Google Scholar)	Số 4, trang 207-212	2008
4	Xây dựng bản đồ thích nghi đất cho cây keo lai áp dụng phương pháp đánh giá đất đa tiêu chí tại 02 xã Phú Sơn và Bình Thành, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Tập 14, số 33, trang 34-44	2009
5	Ứng dụng GIS để đánh giá sự thích hợp đất đa tiêu chí cho cây trồng: trường hợp nghiên cứu ở xã Hương Bình, Thừa Thiên Huế.	01	Tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388		5 (Google Scholar)	Số 16 (50), trang 5-16	2009
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác đánh giá đất và qui hoạch sử dụng đất tại xã Phú Sơn, huyện	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388			Số 23 (57), trang 15-26	2010

	Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.						
7	The process of legalization of resources use rights in the coastal region, central Viet Nam. The case study in phu vinh commune, a luoi district, thua thien hue province.	04		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Proceedings of the 10 th International Conference of Southeast Asean Geography Association. Understanding the Changing Space, Place and Cultures of Asia. Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm Hà Nội. (Tiếng Anh)/ MS: 02.02.705/1185 – ĐH 2010.			Trang 420-432 2010
8	Ảnh hưởng của việc chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế người nông dân bị thu hồi đất tại Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388	11 (Google Scholar)	Số 29 (62A), trang 47-58	2010
9	Nghiên cứu xây dựng bản đồ đơn vị đất đai và đánh giá mức độ thích nghi của các loại hình sử dụng đất ở xã Hương Văn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	03		Kỷ yếu Tuyển tập các công trình nghiên cứu: Hội nghị Khoa học Địa lý - Địa chính. Trường Đại học KHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.		Tuyển tập, Trang 169-177	2010
10	Nghiên cứu thực trạng và các quyền trên đất lâm nghiệp được giao cho hộ gia đình quản lý và sử dụng tại xã Phú Vinh, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388	03 (Google Scholar)	Số 29 (63), trang 15-26	2010
11	Improving productivity in horticultural crops.	06		Kỷ yếu hội thảo quốc tế- Proceedings of Horticulture and Livelihood Security Editors: Prem Nath and P.B. Gaddagimath. Scientific Publishers, Jodhpur, Rajasthan, India	2 (Google Scholar)	Chương 14, trang 203-215	2011

				ISBN: 978-81-7233-674-5			
12	Current situation and property rights in agriculturland unused lands at upland of central vietnam: a case study in Hong Bac commune, a luoi district, thua thien hue province.	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển – Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội ISSN: 1859-0004.	1 (Google Scholar)	Số 1 (Tiếng Anh), trang 63-74	2011
13	Land suitability analysis and evaluation for production of fruit trees using GIS technology: A case study at Thua Thien Hue province.	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388	1 (Google Scholar)	Tập 67, số 4A, trang 13-22	2011
14	Thực trạng chuyển giao đất rừng sản xuất và sự thay đổi các quyền sử dụng tài nguyên trong cơ chế đồng quản lý ở vùng cao tỉnh Thừa Thiên Huế.	02		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 0866-7020.		Số 15, trang 78-83	2011
15	Đánh giá tác động của công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp đến sản xuất nông hộ: Trường hợp nghiên cứu tại xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 41, trang 20-28	2011
16	Đánh giá phân hạng khả năng thích nghi đất đai phục vụ cho việc phát triển cây cao su tiêu điền tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.	03	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Tập 16, số 41, trang 29-34	2011
17	Đặc điểm khai thác và sử dụng tài nguyên đất nông lâm nghiệp của các dân tộc khác nhau tại huyện Đak Krông - tỉnh Quảng Trị - Trường hợp nghiên cứu tại xã Mò Ó.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 36, trang 129-136	2011
18	Xây dựng mô hình hỗ trợ qui hoạch đất rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp giữa mô hình đánh giá đa tiêu chí và xói mòn đất sử dụng GIS và viễn thám.	04		Tạp chí Khoa học và Sáng tạo tỉnh Quảng Nam ISSN: 1859-0322		Số 6 + 7, trang 46-49	2011
19	Xác định lợi thế một số loại hình sử dụng đất vùng đồng bằng – cát nội đồng và đánh giá phân hạng	01	Tác giả chính	Tạp chí NN&PTNT ISSN: 0866-7020		Số 14, trang 107-112	2012

	thích nghi để mở rộng sản xuất phục vụ chương trình nông thôn mới tại huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.						
20	Đánh giá đất phục vụ phát triển loại hình sử dụng đất trồng cây cao su tại vùng đồi núi của huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 39, trang 123-128	2012
21	Ứng dụng GIS và GPS trong việc quản lý các vườn cao su tiêu điện tại xã Hương Bình, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 39, trang 89- 98	2012
22	Sử dụng ảnh viễn thám Lansat và công nghệ GIS đánh giá sự thay đổi quỹ đất trồng lúa giai đoạn 2000-2010 tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 39, trang 102-106	2012
23	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến việc mất đất trồng lúa tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 39, trang 149-154	2012

II. Sau khi công nhận PGS (năm 2012 đến nay) xếp theo thứ tự năm tăng dần

24	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác Titan đến hiện trạng sử dụng đất và cuộc sống người dân xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	04	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 43, 18-24	2012
25	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các mô hình trang trại trên địa bàn huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 43, trang 43- 49	2012
26	Đánh giá hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.	02		Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 40, trang 69 – 73	2012
27	Thực trạng chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và những giải pháp quản lý sử dụng đất bền vững tại TP Hội An, tỉnh Quảng Nam.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743		Số 40, trang 74 – 77	2012
28	Ứng dụng GIS đánh giá sự thích nghi đất cho một số loại hình sử dụng đất có triển vọng phục vụ phát triển nông nghiệp trên địa	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 43, trang 50- 55	2012

	bản huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.						
29	Đánh giá phân hạng thích nghi đất đai để định hướng mở rộng diện tích sản xuất phục vụ chương trình phát triển nông thôn mới tại vùng đồi núi thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	05	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388			Tập 75B, số 6, trang 17-28 2012
30	Thực trạng sử dụng đất của các dự án phát triển trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2006 – 2011.	02	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 44, trang 29-40 2013
31	Situation of and the rights on the forest land, allocating from the state to households for management and use at the upland area in the Central Vietnam.	01	Tác giả chính	Resources and Environment p-ISSN: 2163-2618 e-ISSN: 2163-2634		1 (Google Scholar)	Tập 3, số 6, trang 176-182. 2013
32	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các mô hình trang trại để hỗ trợ cho việc phát triển nông thôn mới tại huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế Sinh thái ISSN: 1859-2317			Số: 45, trang 25-32 2013
33	Phân tích hiệu quả mô hình đăng ký quyền sử dụng đất một cấp hiện nay so với mô hình hai cấp tại TP Đà Nẵng.	02		Tạp chí Kinh tế Sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 45, trang 16-24 2013
34	Thực tiễn công tác dồn điền đổi thửa và tác động đến phát triển nông nghiệp và nông thôn tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.,	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội ISSN: 1859-0004			Tập 11, số 7, trang 1005-1014 2013
35	Mô phỏng ảnh hưởng của thay đổi sử dụng đất đến xói mòn ở lưu vực sông Bồ, miền Trung Việt Nam: ứng dụng SWAT.	02		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 0866-7020			Tập 20, số 2, trang 101-107 2013
36	Đánh giá tình hình sử dụng đất nông nghiệp huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2009 – 2012.	03		Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 42, trang 124-130 2013
37	Tác động của việc quy hoạch – kế hoạch sử dụng đất đến sự phát triển đất đô	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 42, trang 152-158 2013

	thị tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn từ 1997 – 2012.						
38	Soil information system for land suitability evaluation and land use planning at commune level in Central Vietnam: A case study of two communes in Thua Thien Hue province.,	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388			Tập 84, số 6, trang 19-31 2013
39	Tác động của chính sách đất đai đến quá trình đô thị hóa tại thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2012.	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 46, trang 37-42 2014
40	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng super lân đến năng suất cây lạc trên đất cát pha, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.	03		Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 43, trang 42-46 2014
41	Nghiên cứu việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.	04		Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388	1 (Google Scholar)		Tập 94, số 6, trang 71-81 2014
42	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH ISSN: 1859-1388			Tập 95, số 7, trang 13-27 2014
43	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.	03		Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 44, trang 132-138 2014
44	Ứng dụng GIS và viễn thám nghiên cứu sự thay đổi nhiệt độ bề mặt do biến động sử dụng đất tại thành phố Huế giai đoạn 2000 đến 2014	03	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2014, tập 1, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-249-4			Kỷ yếu, trang 132 – 138 2014
45	Ứng dụng GIS trong điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ thích ứng với biến	03		Kỷ yếu hội thảo về Ứng dụng GIS toàn quốc 2014, tập 1,			Trang 227 – 235 2014

	đôi khí hậu dựa vào cộng đồng tại xã Hương Phong, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.			Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-249-4			
46	Ứng dụng viễn thám và GIS đánh giá sự biến đổi địa hình bờ biển khu vực huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2000 – 2013.			Kỷ yếu hội thảo về Ứng dụng GIS toàn quốc 2014, tập 1, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-249-4		Kỷ yếu, trang 463 – 470	2014
47	Application of SWAT model for assessing water quality in Ta Trach watershed, Central Vietnam.	03	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Proceedings of International Symposium on Geoinformatics for Spatial Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences, Da Nang 12/2014, Information and Communication Publishing House ISBN: 978-604-80-0917-5		Trang 443 - 449	2014
48	Application of GIS in establishing 3D model for spatial urban management at Thuan Thanh ward, Hue city, Vietnam.	03	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Proceedings of International Symposium on Geoinformatics for Spatial Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences, Da Nang 12/2014, Information and Communication Publishing House ISBN: 978-604-80-0917-5		Trang 294 - 299	2014
49	Đánh giá hiệu quả một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp vùng đất dốc ở khu vực miền núi huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.	04		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859 – 4581	3 (Google Scholar)	Số tháng 1, trang 28 – 36	2015

50	Assessing the impact of urbanization on urban climate by remote sensing perspective: a case study in Da Nang city, Vietnam.	02		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: <u>The International Archives of the Photogrammetry, Remote Sensing and Spatial Information Sciences, Volume XL-7/W3, 2015</u> <u>36th International Symposium on Remote Sensing of Environment, 11-15 May 2015, Berlin, Germany</u> ISSN: 16821750	Scopus	18 (Google Scholar)	Trang 207-212	2015
51	Ảnh hưởng của hạn hán đến năng suất lúa trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.	05		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số 3/2015, trang 37 – 45	2015
52	Đánh giá tài nguyên đất đô thị phục vụ quy hoạch khu dân cư thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đến năm 2030.	03	Tác giả chính	Tạp chí Đại học Huế: NN&PTNN ISSN: 1859-1388			Tập 100, số 1, trang 5 – 14	2015
53	Chuyển giao đất lâm nghiệp từ các đơn vị quản lý nhà nước đến hộ gia đình tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế,	02	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 48, trang 65-73.	2015
54	Hiệu quả sử dụng đất lúa ở huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 - 2013,	02	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 48, trang 51 - 59	2015
55	Đánh giá khả năng phục hồi độ phì và hiệu quả bảo vệ môi trường của cây Keo tại xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.			Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 45, trang 74-79	2015
56	Đánh giá hiệu quả kinh tế một số loại hình sử dụng đất trồng cây ngắn ngày ở khu vực bãi bồi ven sông Thu Bồn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.	02		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số tháng 4, trang 131 – 137	2015
57	Nghiên cứu tình hình hạn hán đất trồng lúa vụ hè thu bằng công nghệ viễn thám và GIS tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.	06	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: Khoa học trái đất và Môi trường p-ISSN: 2588-1183 e-ISSN: 2615-9694		2 (Google Scholar)	Tập 103, số 4, trang 19 – 32	2015

58	Nghiên cứu sử dụng ảnh viễn thám MODIS TERRA/AQUA để theo dõi và quản lý mùa vụ trồng lúa hè thu 2014 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: Khoa học trái đất và Môi trường p-ISSN: 2588-1183 e-ISSN: 2615-9694			Tập 103, số 4, trang 33-44.	2015
59	Đánh giá sự thích hợp đất đai tiêu chí phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	03		Tạp chí Khoa học ĐHH: Khoa học trái đất và Môi trường p-ISSN: 2588-1183 e-ISSN: 2615-9694		1 (Google Scholar)	Tập 103, số 4, trang 155-166.	2015
60	Tác động của quá trình đô thị hóa đến việc quản lý và sử dụng đất tại thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.	02		Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		1 (Google Scholar)	Tập 108, số 9, trang 72-78	2015
61	Ứng dụng GIS, GPS để đánh giá tình hình quản lý, thu gom rác thải tại các chợ vùng Bắc sông Hương, thành phố Huế.	02		Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 49, trang 26-33	2015
62	Đánh giá tình hình quản lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	03	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 49, trang 44-52	2015
63	Phân tích tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: Kinh tế và Phát triển p-ISSN: 2588-1205 e-ISSN: 2615-9716			Tập 109, số 10, trang 15-24	2015
64	Đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên nước mặt và hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất cho cây lúa trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam: Trường hợp nghiên cứu xã Đại Quang.	07	Tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 112, số 13, trang 19-32	2015
65	Đánh giá thực trạng và định hướng sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	02	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 49, trang 72 – 81	2015
66	Các đặc trưng của quá trình đô thị hóa tại các đô thị vệ tinh của thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	03		Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 112, số 13, trang 55-66	2015
67	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất tại	02	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 50, trang 73-80	2016

	huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.						
68	Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ ngập lụt tại vùng hạ lưu sông Ngàn Sâu thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.	03	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 50, trang 81-89	2016
69	Incorporation of local communities into forest land use and household economic development by co-management Model in the uplands of Central Vietnam.	05	Tác giả chính	International Journal of Agriculture and Forestry p-ISSN: 2165-1191 e-ISSN: 2165-8846		Tập 6, số 1, trang 12-19	2016
70	Sử dụng ảnh viễn thám Landsat nghiên cứu sự suy giảm diện tích rừng trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 1995 – 2014.	07	Tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 119, số 5, trang 17-26	2016
71	Thực trạng và giải pháp sử dụng đất lúa dựa vào nước trời trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.	03	Tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 124, số 10, trang 45-52	2016
72	Đánh giá tình hình biến động sử dụng đất lâm nghiệp theo ba loại rừng tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.	03	Tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 124, số 10, trang 53-64	2016
73	Ứng dụng GIS và viễn thám nghiên cứu xu hướng biến động đất lâm nghiệp khu vực phía Tây Nam, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2005 – 2015.	03		Tạp chí khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 124, số 10, trang 93 - 104	2016
74	Impact of power value in IDW interpolation method on accuracy of the soil organic matter (SOM) mapping.	05		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Proceedings of International Symposium on Earth Sciences and Sustainable Geo – Resources Development (ESASGD2016), Ha Noi 12/2016. Transport Publishing House ISBN: 978-604-76-1171-3	4 (Google Scholar)	Trang 349 - 354	2016

75	Xây dựng cơ chế chia sẻ nguồn nước ở cấp địa phương nhằm thích ứng với hạn hán: Nghiên cứu đại diện tại xã Đại Quang, huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam.	07	Tác giả chính	Tạp chí NN&PTNT, chuyên đề Bảo vệ môi trường ngành NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số ???10/2016, Trang 79-86	2016
76	Ứng dụng GIS và viễn thám nghiên cứu xu hướng biến động đất lâm nghiệp: trường hợp nghiên cứu tại xã Trường Quân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.	03		Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc năm 2016 vì một trái đất bền vững. Nhà xuất bản Đại học Huế ISBN: 978-604-912-659-8			Trang 632-641	2016
77	Seven steps in identifying local climate change responses for agriculture in Vietnam.	07		Tropicultura p-ISSN: 0771-3312 e-ISSN: 2295-8010	2016 (chưa thuộc Scopus) 2022 Scopus (Q4) WoS (BIOSIS)		Tập 34, số đặc biệt, trang 31-49	2016
78	Thực trạng công tác đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tỉnh Quảng Bình.	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: Khoa học Trái đất và Môi trường p-ISSN: 2588-1183 e-ISSN: 2615-9694			Tập 120, số 6, trang 53 – 60	2016
79	Ứng dụng ảnh viễn thám RapidEye xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất trồng lúa cho vùng nông nghiệp đô thị: Trường hợp nghiên cứu ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, 2017.	02		Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2017 - An ninh nguồn nước và biến đổi khí hậu/ Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ ISBN: 987-604-913-652-8			Trang 639-647	2017
80	Nghiên cứu thực hiện chính sách giao đất sản xuất lâm nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phía Tây tỉnh Quảng Bình.	04		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số tháng 3/2017, trang 200 – 206	2017
81	Tác động của việc chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa đến các nguồn vốn sinh kế chính của người dân tại các đô thị	03		Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số tháng 3/2017, trang 5-11	2017

	vệ tinh của thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.						
82	Ứng dụng GIS và ngôn ngữ lập trình VBA xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý khoáng sản trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.	04		Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 52, trang 36 – 41	2017
83	Đánh giá tác động chính sách đất đai trong việc thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa.	04	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 53, trang 13-23	2017
84	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên tại Đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.	05	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 53, trang 32 – 38	2017
85	Điều chỉnh phương án quy hoạch sử dụng đất phù hợp với kịch bản biến đổi khí hậu tại thành phố Quy Nhơn.	04	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 53, trang 39 – 44.	2017
86	Nghiên cứu và dự báo biến động sử dụng đất tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ứng dụng chuỗi Markov và GIS.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp – Trường ĐHNL, ĐHH ISSN: 2588-1256	Trích dẫn: 5 (Google Scholar)	Tập 1, số 1, trang 37-46	2017
87	Ảnh hưởng của đô thị hóa đến tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.	04	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 54, trang 3 – 8	2017
88	Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến việc sử dụng đất và đời sống người dân trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 54, trang 67 - 72.	2017
89	Ứng dụng GIS và viễn thám phân tích biến động diện tích đất trồng lúa tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	02		Tạp chí NN và PTNT ISSN: 1859-4581		Số 328 tháng 1/2018 Trang 639-648	2018
90	Nghiên cứu đề xuất cơ chế đặc thù trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai.			Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 55, trang 16 - 23.	2018
91	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tại Trung	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317		Số 55, trang 47 - 58.	2018

	tâm thương mại và nhà ở Vincom thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.						
92	Đánh giá thực trạng chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức kinh tế tại tỉnh Đồng Nai.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp – Trường ĐHNL, ĐHH ISSN: 2588-1256			Tập 2, số 2, trang 615 – 624 2018
93	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại ban quản lý rừng phòng hộ khu đông huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp – Trường ĐHNL, ĐHH ISSN: 2588-1256			Tập 2, số 2, trang 625 – 638 2018
94	Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	03	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số 55, trang 111 - 121. 2018
95	Ứng dụng phương pháp nội suy nghịch đảo khoảng cách (IDW) để mô phỏng ảnh hưởng của hạn hán đến diện tích đất trồng lúa tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.	02		Tạp chí NN& PTNT ISSN: 1859-4581			Số 337, tháng 5/2018 trang 73-81 2018
96	Ứng dụng GIS phân tích biến động sử dụng đất tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	03		Tạp chí NN& PTNT ISSN: 1859-4581			Số 337, tháng 6/2018, trang 46-53 2018
97	Assessing land cover change in Bo Trach district, Quang Binh province based on high – resolution satellite imagery based on object – oriented perspective.	04		Journal of Vietnamese Environment ISSN: 2193-6471		1 (Google Scholar)	Tập 9, số 4, trang 177-184 2018
98	Sử dụng ảnh vệ tinh để xác định trữ lượng Cacbon của cây lâu năm ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.	04		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 127, số 3A, trang 49 – 66. 2018
99	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất các khu công nghiệp ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.			Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 127, số 3B, trang 21 – 33. 2018
100	Identifying drought affecting paddy land in	02		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế:		1 (Google Scholar)	Kỷ yếu, 2018

	urban agriculture area using remote sensing and actual observational precipitation data: A case study in Hoa Vang district, Da Nang city, central Viet Nam.			International Symposium on GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS-IDEAS) 2018 ISSN: 978-604-965-115-1			trang 239-245	
101	Đánh giá thực trạng đô thị hóa tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	03		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 127, số 3A, trang 37-46	2018
102	Application of ordinary kriging and regression kriging method for soil properties mapping in hilly region of Central Vietnam.	04		ISPRS International Journal of Geo-Information ISSN: 2220-9964	2019 Scopus (Q1), WoS (SCIE, Q2, IF=1.84) 2022 Scopus (Q1), WoS (SCIE, Q2, IF=3.09)	68 (Google Scholar)	Tập 8, số 3, trang 1-17	2019
103	Drought and conflicts at the local level: Establishing a water sharing mechanism for the summer-autumn rice production in Central Vietnam.	09	Tác giả chính	International Soil and Water Conservation Research p-ISSN: 2095-6339 e-ISSN: 2589-059X	2019 Scopus (Q1) WoS (ESCI) 2022 Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q1, IF=7.48)	11 (Google Scholar)	Tập 7, số 4, trang 362-375	2019
104	Đánh giá thực trạng giao đất, giao rừng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	03		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 128, số 3A, trang 93-105	2019
105	Ứng dụng viễn thám và GIS có sự tham gia để xây dựng bản đồ phân vùng nguồn nước tưới cho đất	04		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 128, số 3C, trang 23-35	2019

	trồng lúa trong điều kiện hạn hán tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.						
106	Đánh giá thực trạng tham vấn cộng đồng trong công tác giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	03		Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743	2 (Google Scholar)	Số 56, trang 123-127	2019
107	Dyna-Clue application for modeling land use change: A case study in Bo Trach district, Quang Binh province, Vietnam	05		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Proceedings of 2nd Joint International Conference on Science, Technology and Innovation, At: Mandalay Technological University		Kỷ yếu, tháng 10, số 16, trang 552 - 556	2019
108	Giải pháp truyền số cải chính trong đo đạc địa chính sử dụng công nghệ đo động thời gian thực (RTK) tại tỉnh Lâm Đồng.	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 128, số 3D, trang 67-77	2019
109	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số Cơ Tu, khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam.	07	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 128, số 3D, trang 78-87	2019
110	Mô hình canh tác nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu của đồng bào dân tộc thiểu số Xơ Đăng, tỉnh Quảng Nam.	10	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 129, số 3A, trang 15-29	2020
111	Giải pháp tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.			Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708		Tập 129, số 3A, trang 1-14	2020
112	Đánh giá thực trạng tham vấn cộng đồng trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	03	Tác giả chính	Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581		Số 385, 2/2020, trang 134-140	2020

113	Mass appraisal application for land valuation using regression model: a case study in the C zone of Nam Hoi An project, Thang Binh district, Quang Nam province, Central Vietnam.	05		05	05	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 129, số 3C, trang 63-78	2021
114	Understanding indigenous farming systems in response to climate change: An investigation into soil erosion in the mountainous regions of Central Vietnam.	07	Tác giả chính	07	07	Applied Sciences- BASEL e-ISSN: 2076-3417	2020 Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q2, IF=2.47) 2022 Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q2, IF=2.83)	12 (Google Scholar)	Tập 10, số 15, trang 1-24	2020
115	Đánh giá hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	03	Tác giả chính	03	03	Tạp chí Khoa học đất ISSN: 0868-3743			Số 59, trang 91-96	2020
116	Ứng dụng phương pháp GIS có sự tham gia mô phỏng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp tại huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.	05		05	05	Tạp chí NN&PTNT ISSN: 1859-4581			Số 393, trang 50-57	2020
117	Ứng dụng GIS trong lựa chọn vị trí bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.	05		05	05	Kỷ yếu Hội thảo GIS toàn quốc năm 2020 ISBN: 978-604-60-3259-5			Trang 347-359	2020
118	Indigenous knowledge in relation to climate change: adaptation practices used by the Xo Dang people of central Vietnam.	09	Tác giả chính	09	09	Heliyon, ELSEVIER ISSN: 2405-8440	2020 Scopus (Q1) WoS (ESCI) 2022 Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q2, IF=3.77)	29 (Google Scholar)	Tập 6, số 12, trang 1-12	2020

119	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp tại tỉnh Bình Định.	03		Kỷ yếu hội thảo Quản lý đất đai, Trường ĐHNL, ĐHH. Nhà xuất bản Đại học Huế ISBN: 978-604-974-688-8			Trang 375-384	2020
120	Đánh giá tình hình sử dụng đất một số công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	03		Kỷ yếu hội thảo Quản lý đất đai, Trường ĐHNL, ĐHH. Nhà xuất bản Đại học Huế ISBN: 978-604-974-688-8			Kỷ yếu, Tháng 11/2020, trang 164-174	2020
121	Đánh giá tình hình thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại huyện Krong Buk. Tỉnh Đắk Lắk.	05	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 130, số 3A, trang 143-153	2021
122	Hiện trạng và mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Thừa Thiên Huế.	09		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 130, số 3A, trang 69-85	2021
123	Forecast effects of drought on agricultural land use by remote sensing in Bac Tra My district, Quang Nam Province.	05		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 130, số 3C, trang 35-51	2021
124	Tình hình giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	05		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 130, số 3D, trang 36-46	2021
125	Tai biến địa chất trên sườn dốc vùng đồi núi Trung bộ trong mùa mưa bão năm 2020.	07		Kỷ yếu hội thảo: Ứng dụng công nghệ không gian trong công tác phòng chống thiên tai. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội. ISBN: 978-604-325-476-1			Tập 1, trang 89-105	2021
126	Quan điểm và kết quả nghiên cứu tai biến lũ bùn đá-lũ quét ở vùng đồi núi Trung Trung bộ.	07		Kỷ yếu hội thảo: Ứng dụng công nghệ không gian trong công tác phòng chống thiên tai.			Tập 1, trang 123-137	2021

				Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội. ISBN: 978-604-325-476-1				
127	Ứng dụng GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý phục vụ quản lý đất đai tại huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	05		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 131, số 3A, trang 61-74	2022
128	Environmental efficiency of dipterocarp forest land management at Yok Don National Park.	03		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 131, số 3C, trang 67-84	2022
129	Biến động đất đai và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế xã hội quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015-2020.	04	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 131, số 3D, trang 153-164	2022
130	The Application of Geographical Information Systems and the Analytic Hierarchy Process in Selecting Sustainable Areas for Urban Green Spaces: A Case Study in Hue City, Vietnam.	05		Climate e-ISSN: 2225-1154	Scopus (Q2) WoS (ESCI)	2 (Google Scholar)	Tập 10, số 6, trang 1-18	2022
131	Evaluation of soil organic matter content under topographic influences in agroforestry ecosystems: a study in Central Vietnam.	06	Tác giả chính	Eurasian Soil Science p-ISSN:1064-2293 e-ISSN: 1556-195X	Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q4, IF=1.37)	3 (Google Scholar)	Tập 55, số 8, trang 1041-1051	2022
132	Application GIS and remote sensing for soil organic carbon mapping in a farm-scale in the hilly area of central Vietnam.	09	Tác giả chính	Air, Soil and Water Research p-ISSN: 1178-6221 e-ISSN: 1178-6221	Scopus (Q2) WoS (ESCI)	3 (Google Scholar)	Tập 15, trang 1-11	2022
133	Ứng dụng GIS để cập nhật, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.	04		Tạp chí Khoa học ĐHH: NN&PTNT p-ISSN: 2588-1191 e-ISSN: 2615-9708			Tập 132, số 3A, trang 91-105	2023
134	A Nuanced analysis on livelihood resilience of Vietnamese upland households: An	05	Tác giả chính	Sustainability e-ISSN: 2071-1050	Scopus (Q1) WoS (SCIE/SS)	3 (Google Scholar)	Tập 15, số 4, trang 1-19	2023

	intersectional lens of ethnicity and gender.				CI, Q1, IF=3.88)			
135	Livelihood vulnerability to climate change: Indexes and insights from two ethnic minority communities in Central Vietnam.	06		Environmental Challenges ISSN: 2667-0100	Scopus (Q2)	7 (Google Scholar)	Tập 10	2023
136	Climate shocks and responses: Perspectives and experiences of ethnic minority farmers in rural mountainous regions of Central Vietnam.	06	Tác giả chính	Heliyon, ELSEVIER ISSN: 2405-8440	Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q2, IF=3.77)		Tập 9, số 4	2023
137	Variation in soil organic carbon stock in the deciduous forest of Yok Don National Park of Vietnam.	06		European Chemical Bulletin ISSN: 2063-5346	Scopus (Q3)		Tập 12, số đặc biệt 4, trang 12393-12409	2023

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 07 bài

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
1	Drought and conflicts at the local level: Establishing a water sharing mechanism for the summer-autumn rice production in Central Vietnam.	09	Tác giả chính	International Soil and Water Conservation Research p-ISSN: 2095-6339 e-ISSN: 2589-059X	2019 Scopus (Q1) WoS (ESCI) 2022 Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q1, IF=7.48)	11 (Google Scholar)	Tập 7, số 4, trang 362-375	2019
2	Understanding Indigenous farming systems in response to climate change: An investigation into soil erosion in the mountainous regions of Central Vietnam.	07	Tác giả chính	Applied Sciences-BASEL e-ISSN: 2076-3417	2020 Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q2, IF=2.47) 2022 Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q2, IF=2.83)	12 (Google Scholar)	Tập 10, số 15, trang 1-24	2020
3	Indigenous knowledge in relation to climate change:	09	Tác giả chính	Heliyon, ELSEVIER ISSN: 2405-8440	2020 Scopus (Q1) WoS (ESCI)	29 (Google Scholar)	Tập 6, số 12, trang 1-12	2020

	adaptation practices used by the Xo Dang people of central Vietnam.				2022 Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q2, IF=3.77)			
4	Evaluation of soil organic matter content under topographic influences in agroforestry ecosystems: a study in Central Vietnam.	06	Tác giả chính	Eurasian Soil Science p-ISSN:1064-2293 e-ISSN: 1556-195X	Scopus (Q2) WoS (SCIE, Q4, IF=1.37)	3 (Google Scholar)	Tập 55, số 8, trang 1041-1051	2022
5	Application GIS and remote sensing for soil organic carbon mapping in a farm-scale in the hilly area of central Vietnam.	09	Tác giả chính	Air, Soil and Water Research p-ISSN: 1178-6221 e-ISSN: 1178-6221	Scopus (Q2) WoS (ESCI)	3 (Google Scholar)	Tập 15, trang 1-11	2022
6	A nuanced analysis on livelihood resilience of Vietnamese upland households: An intersectional lens of ethnicity and gender.	05	Tác giả chính	Sustainability e-ISSN: 2071-1050	Scopus (Q1) WoS (SCIE/SSCI, Q1, IF=3.88)	3 (Google Scholar)	Tập 15, số 4, trang 1-19	2023
7	Climate shocks and responses: Perspectives and experiences of ethnic minority farmers in rural mountainous regions of Central Vietnam.	06	Tác giả chính	Heliyon, ELSEVIER ISSN: 2405-8440	Scopus (Q1) WoS (SCIE, Q2, IF=3.77)		Tập 9, số 4	2023

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Sau khi công nhận Phó giáo sư năm 2012

TT	Tên các giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
01	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận giải thưởng KHCN lần thứ VI, 2014 với chủ đề: Xây dựng mô hình nông lâm kết hợp dọc hành lang đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa phận Thừa Thiên Huế theo hướng phát triển bền vững.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	2014, theo Quyết định số 2366/QĐ-UBND, 8/11/2014	Thành viên đề tài	10

02	01 Sản phẩm về cơ chế chia sẻ nguồn nước được chuyển giao cho UBND huyện Đại Lộc: Thúc đẩy hiệu quả cơ chế chia sẻ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và cho sinh hoạt, chuyển giao cơ chế cho UBND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; Tính ứng dụng: Nhằm chia sẻ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và cho sinh hoạt, chuyển giao cơ chế cho UBND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.	Trường ĐHNL, ĐHH và UBND huyện Đại Lộc, Quảng Nam	2016	Tác giả chính	07
03	Chuyển giao sản phẩm KHCN: Bộ Atlas bản đồ ứng dụng vào công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.	ĐHH và UBND Đông Giang, Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	26/12/2020	Tác giả chính và các thành viên tham gia	07
04	01 sản phẩm về: App ứng dụng Khám phá Lý Sơn trên cả 2 nền tảng iOS và Android.	ĐHH và UBND huyện Lý Sơn, Quảng Ngãi	2022	Tác giả chính	10
05	Bộ GDĐT công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, cấp toàn quốc năm 2022 về: Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	Bộ GDĐT	2022, theo Quyết định số 3002/QĐ-BGDĐT, 14/10/2022.	Chủ trì đề tài	03 Đóng góp như nhau

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
I. Cấp Trường ĐHNL, ĐHH						
1	Thực hiện xây dựng và phát triển chương trình Đào tạo Tiến sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐHNL, ĐHH theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 về Quy chế đào tạo Tiến sĩ.	Chủ trì (Trưởng Khoa, Trưởng Ban xây dựng)	Trưởng Khoa, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH và ĐĐT) Khoa, chủ trì xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT)	Bộ GDĐT	Quyết định cho phép đào tạo tiến sĩ Quản lý đất đai: Số 1103/QĐ-BGDĐT, 22/03/2012	2012
2	Thực hiện rà soát, phát triển và xây dựng chương trình đào tạo ĐH và SDH hệ chính quy năm 2015 theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Tham gia (Phó Trưởng ban chỉ đạo)	Quyết định số 1237/QĐ-ĐHNL ngày 05/06/2015, 1016/QĐ-ĐHNL, 11/11/2016 và Quyết định số 219/QĐ-ĐHNL-ĐTSDH ngày 22/03/2016	Hội đồng KH và ĐĐT Trường ĐHNL, ĐHH	Quyết định số 1032/QĐ – ĐHNL-ĐTSDH ngày 05/12/2015 Ban hành CTĐT Thạc sĩ và QĐ số 169/QĐ-ĐHNL. 03/5/2017 Ban hành CTĐT chính quy năm 2017	2015-2017
3	Phát triển chương trình và biên tập tài liệu chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai thuộc Dự án GVTHPT và TCCN	Tham gia	Quyết định số 344/QĐ/DAPTr GV-ĐHNL, 17/08/2012	Hội đồng thẩm định	Chương trình đào tạo được ban hành	Thực hiện theo Dự án Phát triển GV THPT và TCCN
4	Xây dựng chương trình đào tạo đại học các ngành học tại Trường ĐHNL, ĐHH theo định hướng ứng dụng (POHE)	Chủ trì (Trưởng Ban)	Quyết định số 74/QĐ-ĐHNL, 20/01/2015	Hội đồng thẩm định	Quyết định Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Nông học theo định hướng ứng dụng (POHE) số 502/QĐ-ĐHNL, 2/6/2016	06 Chương trình đào tạo theo POHE
5	Phát triển chương trình nghiên cứu: Nâng cao năng	Chủ trì (Điều phối)	Quyết định số 394	Hội đồng KH và ĐĐT,	Chương trình đào tạo được	Thực hiện theo Dự án

	lực đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai thông qua việc xây dựng mạng lưới các môn học liên quan ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám		QĐ/ĐHNL 12/96/2014 và Quyết định số 102/QĐ/ĐHNL ngày 30/12/2014	Khoa TNĐMTN, Trường ĐHNL, ĐHH	soát điều chỉnh đề cương môn học nhóm GIS và Viễn thám	DAAD. ID 57061865, GĐ 2014-2017
6	Phát triển Chương trình đào tạo và nghiên cứu: Nâng cao năng lực đào tạo nghiên cứu thích ứng với biến đổi khí hậu ở các trường ĐH Việt Nam	Tham gia	Văn bản do Trường Dự án và Trường Khoa ký.	Hội đồng KH và ĐT, Khoa TNĐMTN, Trường ĐHNL, ĐHH	Chương trình đào tạo được rà soát điều chỉnh đề cương môn học lồng ghép với biến đổi khí hậu: Quy hoạch sử dụng đất, đánh giá đất, Đánh giá tác động môi trường	Thực hiện theo Dự án ACCCU, 2011-2015.
7	Hội đồng KH và ĐT Trường ĐHNL, ĐHH	Tham gia (Phó Chủ tịch và thành viên)	Quyết định số 806/QĐ-ĐHNL, 15/1/2015 và Quyết định số 195/QĐ-ĐHNL, 9/4/2020	Tham vấn các vấn đề về Đào tạo và KHCN	Các Chương trình đào tạo được ban hành	
8	Hội đồng Tự đánh giá chất lượng đào tạo Trường ĐHNL, ĐHH	Tham gia (Phó Chủ tịch Hội đồng)	Quyết định số 206/QĐ-ĐHNL, ngày -03/02/2015	Trung tâm Kiểm định CLGD-ĐHQG Hà Nội	Cơ sở đào tạo Trường ĐHNL, ĐHH được công nhận đạt chuẩn Kiểm định CLGD	2017
II. Cấp Đại học Huế						
9	Tham gia thực hiện rà soát quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ĐH, ThS, TS tại ĐHH theo các Quy chế đào tạo của Bộ GDĐT	Chủ trì (Trưởng Ban)	Quyết định số 1273/QĐ-ĐHH, 27/09/2019	Hội đồng KH và ĐT, ĐHH, các Trường ĐH thành viên ĐHH	Quyết định ban hành Quy định: Quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ĐH, ThS, TS tại ĐHH 1795/QĐ-ĐHH ngày 31/12/2019	
10	Thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung quy định đào tạo TS tại ĐHH	Chủ trì (Trưởng Ban)	Quyết định số 1274/QĐ-ĐHH, 27/09/2019	Hội đồng KH và ĐT, ĐHH, các Trường	Quyết định số 1695/QĐ-ĐHH Ban hành Quy định Tuyển sinh và đào tạo	

				ĐH thành viên ĐHH	trình độ TS tại ĐHH ngày 20/12/2019	
11	DA hợp tác Quốc tế: DA VIBE về phát triển các chương trình đào tạo liên kết với Ireland 2018 – 2019	Tham gia (phó Trưởng Ban)	Quyết định 1348/QĐ ĐHH, 29/11/2017	Hội đồng KH và ĐT các đơn vị sử dụng chương trình và dự án VIBE	ĐHH và các đơn vị thành viên	IA Grand code: VIBE 2017.04 Ireland tài trợ
12	Nâng cao năng lực đào tạo hỗn hợp một số chương trình đào tạo đại học của Đại học Huế (Dự án AUF)	Chủ trì (Trưởng Ban)	Quyết định số 1373/QĐ ĐHH, 15/10/2019	Các Khoa thuộc các Trường ĐHH thành viên ĐHH tham định, sử dụng	Quy chế tổ chức và hoạt động đào tạo qua mạng theo QĐ số 459/QĐ ĐHH, 12/3/2020. Hướng dẫn xây dựng và tổ chức học E-learning (số 828/HD-ĐHH, 9/6/2020).	Dự án AUF, theo văn bản thỏa thuận DRAP - 4540
13	Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục ĐHH	Tham gia (Phó Chủ tịch Thường trực)	Quyết định số 1008/QĐ ĐHH, 15/09/2017 và Số 422/QĐ ĐHH, 04/03/2020	ĐHH và các Trường ĐH thành viên ĐHH	Kiểm định chất lượng nội bộ 8 CSĐT ĐHH và đánh giá thẩm định các Chương trình Đào tạo của ĐHH	
14	Ban Chỉ đạo đánh giá nội bộ ĐHH và Ban thẩm định và Đoàn Đánh giá nội bộ các trường ĐH thành viên và các chương trình đào tạo tại ĐHH.	Chủ trì (Phó Trưởng Ban chỉ Trưởng đoàn)	Quyết định số 1010/QĐ ĐHH, 18/09/2017 và 1228/QĐ ĐHH, 19/9/2029, 1476/QĐ ĐHH, 11/11/1916, 1230/QĐ ĐHH, 19/9/2019, 48/QĐ ĐHH, 16/01/2019, 2103/QĐ ĐHH, 30/12/2020, 2104/QĐ	ĐHH và các Trường ĐH thành viên ĐHH	Đạt chuẩn Kiểm định chất lượng các trường ĐH thành viên, ĐHH và đánh giá thẩm định các Chương trình Đào tạo của ĐHH giai đoạn 2017-2022.	

			ĐHH, 30/12/2020, 2004/QĐ- ĐHH, 22/12/2020.		
15	Ban Chỉ đạo và Ban xây dựng Chiến lược Bảo đảm CLGD ĐHH 2021-2025, trong đó có chiến lược BĐCL về chương trình đào tạo toàn ĐHH.	Chủ trì (Phó Ban chỉ đạo, Chủ trì, Trưởng Ban xây dựng)	Quyết định số 763/QĐ-ĐHH, 6/03/2020 và Quyết định số 926/QĐ-ĐHH, 02/07/2020	ĐHH và các Trường ĐH thành viên ĐHH	Quyết định ban hành Bản chiến lược Bảo đảm chất lượng giáo dục Đại học Huế 2021-2025 số 2072/QĐ-ĐHH, 25/12/2020 và Ban hành sổ tay BĐCLGD của ĐHH số 1484/QĐ-ĐHH, 14/11/2018.
16	Xây dựng Kế hoạch, chiến lược ĐHH 2021-2030, trong đó có Kế hoạch Chiến lược về phát triển Chương trình đào tạo ĐHH.	Chủ trì (Phó Ban chỉ đạo và Trưởng Ban xây dựng)	Quyết định số 144 và 145/QĐ-ĐHH, 18/02/2021,	Hội đồng ĐHH	Nghị quyết số 75/NQ-HĐĐH ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc Ban hành KHCL ĐHH 2021-2030.
17	Xây dựng dữ liệu xếp hạng ĐHH	Chủ trì (Trưởng Ban)	Quyết định số 497/QĐ-ĐHH, 26/4/2019 và số 1715/QĐ-ĐHH, 27/11/2020	Các tổ chức xếp hạng Đại học	Kết quả xếp hạng ĐHH 2019-2020 top 10 các ĐHVN và top 401-450 Châu Á năm 2022 và 2023.
18	Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định CLGD- ĐH Quốc gia Hà Nội và Trường ĐH Vinh	Tham gia	Quyết định số 451/QĐ-KĐCL, 30/10/2019 và QĐ số 06/QĐ-KĐCLĐHV, 7/2018	ĐH Quốc gia Hà Nội	Tham gia Hội đồng thẩm định và tham gia đoàn kiểm định
19	Đánh giá ngoài 03 Chương trình đào tạo tại Trường ĐH Lâm nghiệp: Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng, Quản trị kinh doanh	Tham gia	Quyết định số 356/QĐ-KĐCL, 18/09/2019	Hội đồng Quốc gia Hà Nội	03 Chương trình được kiểm định: Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng, Quản trị kinh doanh

20	Hội đồng tư vấn xây dựng, thẩm định báo cáo tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với khung tham chiếu trình độ ASEAN	Tham gia	Quyết định số 639/QĐ-BGDĐT, ngày 28/05/2021 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.	Bộ GDĐT	Báo cáo tham chiếu Khung trình độ quốc gia VN với khung tham chiếu ASEAN	Đang triển khai
21	Hội đồng KH và ĐT ĐHH 2016-2021	Tham gia (Phó Chủ tịch Hội đồng)	Quyết định số 474/QĐ-ĐHH, 18/3/2020	Hội đồng KH và ĐT ĐHH	Tham vấn về hoạt động Đào tạo và KHCN ĐHH	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

Không thiếu và không đề xuất công trình thay thế

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu.:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

HUỲNH VĂN CHƯƠNG